DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 2934 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *07* ***tháng*** *10* ***năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng thí nghiệm và Quản lý Chất lượng**
Laboratory:	***Laboratory and Quality Control***
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	**Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam - Chi nhánh NM3 tại Đồng Nai**
Organization:	***C.P. Viet Nam Corporation – Dong Nai Factory 3***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 635**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa**
Field:	***Chemical***
Người quản lý:	**Đôn Thị Thanh Nhã**
Laboratory manager:	***Don Thi Thanh Nha***
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Từ ngày** *07* / *10* **/2026 đến ngày** *06* / *10* **/2031**
Địa chỉ:	**Khu công nghiệp Bàu Xéo, phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai, Việt Nam**
Address:	***Bau Xeo industrial zone, Trang Bom ward, Dong Nai city, Viet Nam***
Địa điểm:	**Khu công nghiệp Bàu Xéo, phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai, Việt Nam**
Location:	***Bau Xeo industrial zone, Trang Bom ward, Dong Nai city, Viet Nam***
Điện thoại/ *Tel*:	**02513 921502-09**
Email:	**info@cp.com.vn**
Website:	**https://www.cp.com.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Thức ăn tôm và thức ăn cá** ***Shrimp feed and fish feed***	Xác định hàm lượng ẩm Phương pháp trọng lượng *Determination of moisture content* *Gravimetric method*		AOAC 930.15
2.		Xác định hàm lượng đạm tiêu hóa Phương pháp enzyme pepsin *Determination of pepsin digestibility content* *Pepsin enzyme method*		AOAC 971.09
3.	**Nguyên liệu truyền thống cho thức ăn tôm và thức ăn cá** ***Raw material traditional for shrimp feed and fish feed***	Xác định hàm lượng đạm thô Phương pháp Kjeldahl *Determination of crude protein content* *Kjeldahl method*	0,14 %	ISO 5983-2:2009
4.		Xác định hàm lượng béo thô Phương pháp Ankom *Determination of crude fat content* *Ankom method*	0,14 %	AOCS Am 5-04 (2009)
5.		Xác định hàm lượng xơ thô Phương pháp Ankom *Determination of crude fiber content* *Ankom method*	0,1 %	AOCS Ba 6a-05 (2009)
6.		Xác định hàm lượng muối Phương pháp chuẩn độ *Determination of salt content* *Titration method*	0,1 %	AOAC 943.01
7.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp trọng lượng *Determination of ash content* *Gravimetric method*	0,23 %	AOAC 942.05
8.		Xác định hàm lượng Canxi Phương pháp chuẩn độ *Determination of canxium content* *Titration method*	0,03 %	AOAC 927.02

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
9.	**Nguyên liệu truyền thống cho thức ăn tôm và thức ăn cá** ***Raw material traditional for shrimp feed and fish feed***	Xác định hàm lượng Phốt pho Phương pháp UV-vis *Determination of phosphorus content* *UV-vis method*	0,02 %	AOAC 965.17
10.		Xác định hàm lượng tro không tan trong axit chlohydric Phương pháp trọng lượng *Determination of ash in soluble in hydrochloric acid* *Gravimetric method*	0,1 %	ISO 5985:2002
11.	**Dầu mỡ động vật, thực vật** ***Animal and vegetable fat and oils***	Xác định hàm lượng axit béo tự do Phương pháp chuẩn độ *Determination of free fatty acid content* *Titration method*	0,1 %	AOCS Ca 5a-40 (2025)
12.		Xác định hàm lượng chỉ số peroxit Phương pháp chuẩn độ *Determination of peroxide value* *Titration method*	0.4 meq/kg	AOCS Cd 8-53 (2003)

Ghi chú/Note:

- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- AOAC: Hiệp hội hóa học nông nghiệp/ *Association of Official Agricaltural Chemist*
- AOCS: Hiệp hội các nhà hóa học dầu Hoa Kỳ/ *American Oil Chemists' Society*

Trường hợp Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam - Chi nhánh NM3 tại Đồng Nai cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam - Chi nhánh NM3 tại Đồng Nai phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này*/ It is mandatory for C.P. Viet Nam Corporation – Dong Nai Factory 3 that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*